



Thực trạng sử dụng bộ công cụ nghiên cứu trong luận văn thạc sỹ tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

¹Ngô Huy Hoàng, ¹Lê Thị Huyền Trinh, ¹Hoàng Thị Minh Thái,
¹Cù Thị Thu Hà, ¹Mai Thị Lan Anh
¹Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng và các yếu tố liên quan đến việc sử dụng bộ công cụ nghiên cứu trong các luận văn thạc sỹ tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định giai đoạn 2017 - 2022. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu hồi cứu được thực hiện thu thập trên toàn bộ luận văn tốt nghiệp thạc sỹ điều dưỡng có sử dụng ít nhất 1 bộ công cụ đo lường định lượng tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định từ 2017 đến 2022. **Kết quả:** Điểm trung bình thực hiện quy trình phát triển và đánh giá bộ công cụ là $0,85 \pm 0,15$. Trong đó, điểm trung bình giai đoạn phát triển từng câu hỏi là $0,91 \pm 0,09$ điểm; Giai đoạn phát triển bộ công cụ có điểm trung bình là $0,82 \pm 0,07$. Giai đoạn đánh giá bộ công cụ là $0,78 \pm 0,34$. Điểm trung bình cho quy trình dịch và kiểm định bộ công cụ từ tiếng nước ngoài là $1,52 \pm 0,49$ điểm. Trong đó, giai đoạn dịch bộ công cụ từ tiếng Anh sang tiếng Việt là có điểm trung bình $0,98 \pm 0,55$ điểm và giai đoạn kiểm định công cụ là $1,54 \pm 0,51$ điểm. Điểm trung bình chung quy trình kiểm định bộ công cụ có sẵn tiếng Việt $1,84 \pm 0,48$ điểm. Nghiên cứu chỉ ra tổng quan đầy đủ về bộ công cụ liên quan có ý nghĩa thống kê với quy trình phát triển và đánh giá bộ công cụ và quy trình kiểm định bộ công cụ sẵn có tiếng Việt với $p < 0,05$. Thời gian nghiên cứu có liên quan có ý nghĩa thống kê với quy trình phát triển và đánh giá bộ công cụ với $p < 0,05$ và sử dụng học thuyết hướng dẫn liên quan có ý nghĩa thống kê với quy trình kiểm định bộ công cụ sẵn có ($p < 0,05$). **Kết luận:** Các nghiên cứu trong tương lai cần nỗ lực tuân thủ quy trình phát triển và kiểm định các bộ công cụ, để nâng cao tính toàn vẹn và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

Từ khóa: Công cụ nghiên cứu, kiểm định, luận văn thạc sỹ

Research instrument validation in master's theses at Nam Dinh University of Nursing

¹Ngo Huy Hoang, ¹Le Thi Huyen Trinh, ¹Hoang Thi Minh Thai,
¹Cu Thi Thu Ha, ¹Mai Thi Lan Anh
¹Nam Dinh University of Nursing

ABSTRACT

Objective: Describe the research instrument validation and related factors in master's theses at Nam Dinh University of Nursing from 2017 to 2022. **Participants and methods:** A retrospective study was conducted on all master's theses in nursing that used at least one quantitative instrument at Nam Dinh University of Nursing from 2017 to 2022. **Results:** The average score for the instrument development and validation process was 0.85 ± 0.15 . Specifically, the average score for the single-item question development phase was 0.91 ± 0.09 ; the instrument development phase had an average score of 0.82 ± 0.07 , and the instrument evaluation phase scored 0.78 ± 0.34 . The average score for the translation and validation process of foreign-language instruments was 1.52 ± 0.49 . Specifically, the translation phase from English to Vietnamese scored an average of 0.98 ± 0.55 , and the validation phase scored 1.54 ± 0.51 . The overall average score for the validation process of the Vietnamese-language instrument was 1.84 ± 0.48 . The study indicated a statistically significant relationship between the comprehensive literature review of relevant instruments with the instrument development and foreign-language validation process and the validation process of existing Vietnamese-language instruments ($p < 0.05$). The study time was statistically significant with the instrument development and evaluation process ($p < 0.05$), and the use of relevant guiding theories was statistically significant with the validation process of existing tools ($p < 0.05$). **Conclusion:** Future studies should strive to follow the process of developing and validating measurements, to improve the integrity and reliability of research results.

Keywords: Research instrument, validation, master's theses

Tác giả: Ngô Huy Hoàng
Email: ngohoang64@gmail.com
DOI: 10.54436/jns.2024.04.835

Ngày nhận bài: 22/5/2024
Ngày hoàn thiện: 27/6/2024
Ngày đăng bài: 28/6/2024

ĐẶT VẤN ĐỀ

Sử dụng các công cụ được kiểm định và chuẩn hóa, đảm bảo tính giá trị và độ tin cậy ngày càng được chú trọng trong các nghiên cứu nói chung cũng như các nghiên cứu trong lĩnh vực điều dưỡng nói riêng, giúp so sánh kết quả giữa các nghiên cứu khác nhau trong nước và quốc tế. Thêm vào đó nó cũng góp phần làm tăng độ chính xác của những lĩnh vực được nghiên cứu đo lường và đánh giá¹. Tuy nhiên, không phải tất cả các bộ công cụ (BCC) đã được kiểm định đều có giá trị theo thời gian, nên văn hóa hoặc bối cảnh khác nhau². Nhiều nghiên cứu gần đây đã tìm thấy có nhiều lỗ hổng trong việc sử dụng công cụ đo lường trong nghiên cứu³.

Việc sử dụng các bộ công cụ được chuẩn hóa ở nhiều nền văn hóa khác nhau đang ngày càng phổ biến. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có quy định chung nào về cách điều chỉnh một bộ công cụ để phù hợp với từng môi trường văn hóa riêng biệt. Việc chỉ đơn thuần dịch và sử dụng bộ công cụ trong các ngữ cảnh ngôn ngữ khác nhau mà không có sự điều chỉnh phù hợp được cho là không hiệu quả⁴. Dù vậy, việc thực hiện quy trình dịch thuật ngôn ngữ đầy đủ không đồng nghĩa với việc đảm bảo giá trị và độ tin cậy của bộ công cụ².

Tại Việt Nam, việc đào tạo điều dưỡng trình độ thạc sĩ mới được triển khai khoảng 10 năm nay. Năm 2015, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định bắt đầu đào tạo điều dưỡng trình độ thạc sĩ với số lượng tuyển sinh trung bình 30 học viên mỗi năm, mỗi khóa đào tạo kéo dài 2 năm, học viên tốt nghiệp với sản phẩm cuối cùng là bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp thạc sĩ điều dưỡng - một công trình nghiên cứu khoa học. Học viên cao học điều dưỡng tại Việt Nam là những người mới bắt đầu được đào tạo phương pháp nghiên cứu để có thể thực

hiện một công trình nghiên cứu độc lập. Tuy nhiên, kinh nghiệm nghiên cứu và khả năng còn có hạn nên việc triển khai các bước nghiên cứu đặc biệt là quá trình phát triển, dịch và kiểm định bộ công cụ nghiên cứu còn nhiều khó khăn.

Để có cơ sở khoa học hỗ trợ cho chuẩn hóa các công cụ nghiên cứu trong tương lai, tiếp tục duy trì chất lượng các nghiên cứu trong các luận văn tốt nghiệp, nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài “*Thực trạng sử dụng bộ công cụ nghiên cứu trong luận văn thạc sĩ tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định*” với mục tiêu: *Mô tả thực trạng và các yếu tố liên quan đến việc sử dụng bộ công cụ nghiên cứu trong các luận văn thạc sĩ tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định giai đoạn 2017 - 2022.*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

Đối tượng nghiên cứu: Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ điều dưỡng tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định các năm tốt nghiệp từ 2017 đến 2022.

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả hồi cứu.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành từ 5/2022 đến 12/2022.

Mẫu và phương pháp chọn mẫu: Nghiên cứu tiến hành chọn mẫu toàn bộ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ điều dưỡng tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định sử dụng tiêu chuẩn chọn mẫu như sau: Sử dụng kỹ thuật lấy mẫu có chủ đích. Tại thời điểm kết thúc thu thập số liệu có 152 luận văn đáp ứng tiêu chuẩn chọn, do đó cỡ mẫu thực tế là 152.

Công cụ và phương pháp đánh giá: Bảng kiểm đánh giá các các bước phát triển và kiểm định bộ công cụ được phát triển dựa trên quy trình phát triển và kiểm định bộ công cụ của Boateng, Godfred O và cộng

sự năm 2018⁵. Bảng kiểm gồm 35 câu hỏi với 3 giai đoạn, giai đoạn phát triển các câu hỏi (10 mục), giai đoạn phát triển thang đo (11 mục) và giai đoạn đánh giá thang đo (14 mục). Mỗi câu hỏi được đánh giá theo 3 mức độ: 2 = đạt, 1 = không đạt, 0 = không thực hiện. Tổng điểm dao động từ 0 đến 70 điểm. Điểm tổng bảng kiểm và điểm mỗi giai đoạn cao hơn cho thấy tuân thủ toàn bộ quy trình và mỗi giai đoạn tốt hơn.

Bảng kiểm đánh giá các các bước quy trình dịch và kiểm định bộ công cụ được phát triển dựa trên quy trình dịch, thích nghi và kiểm định bộ công cụ của Sousa, Valmi D và cộng sự năm (2011)⁶. Bảng kiểm gồm 20 câu hỏi với 2 giai đoạn, giai đoạn dịch công cụ (11 mục) và giai đoạn kiểm định thang đo (9 mục). Mỗi câu hỏi được đánh giá theo 3 mức độ: 2 = đạt, 1 = không đạt, 0 = không thực hiện. Tổng điểm dao động từ 0 đến 40 điểm. Điểm tổng bảng kiểm và điểm mỗi giai đoạn cao hơn cho thấy tuân thủ toàn bộ quy trình và mỗi giai đoạn tốt hơn.

Bảng kiểm đánh giá quy trình kiểm định bộ công cụ có sẵn tiếng Việt được phát triển dựa trên quy trình kiểm định bộ công cụ. Bảng kiểm gồm 3 câu hỏi, đánh giá mức độ tuân thủ quy trình kiểm định bộ công cụ trong luận văn theo thang 3 điểm với 2 = đạt, 1 = không đạt, 0 = không thực hiện. Tổng điểm dao động từ 0 đến 6 điểm.

Phương pháp thu thập số liệu: Số liệu được thu thập bằng phương pháp tự điền dựa trên bộ câu hỏi soạn sẵn. Các luận văn cao học lưu trữ tại thư viện trường được lựa chọn tham gia nghiên cứu. Các dữ liệu của mỗi luận văn được 2 nhóm thu thập đồng thời bằng cách đánh dấu trực tiếp vào các bước trong bảng kiểm được soạn sẵn. Sau đó 2 nhóm thảo luận và thống nhất kết quả vào 1 bảng kiểm chung.

Xử lý và phân tích số liệu: Phân tích mô tả và so sánh giá trị trung bình t – test được thực hiện trên phần mềm SPSS 16.0.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu được thông qua Hội đồng xét duyệt đề tài cơ sở của Trường Đại học Điều Dưỡng Nam Định theo quyết định số 1361/QĐ-ĐDN ngày 06/6/2022. Các dữ liệu thu thập được đảm bảo bí mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

KẾT QUẢ

Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu được khảo sát trên 152 luận văn. Trong đó 53,9% là nghiên cứu khảo sát; 35,5% là nghiên cứu can thiệp. Có 92,8% nghiên cứu có tổng quan tài liệu đầy đủ về vấn đề nghiên cứu, tuy nhiên chỉ có 25,7% nghiên cứu có tổng quan tài liệu về bộ công cụ.

Bộ công cụ đánh giá lĩnh vực kiến thức chiếm 49,3%, thực hành chiếm 48,7% và tâm lý xã hội chiếm 32,9%. Phần lớn bộ công cụ (60,6%) chỉ đánh giá 1 lĩnh vực. Có 35,5% nghiên cứu tự chỉ định ngưỡng điểm đánh giá (cut-off) không mô tả cơ sở khoa học. 61,8% nghiên cứu không có học thuyết hướng dẫn.

Có 85,5% nghiên cứu có mô tả thời gian nghiên cứu với thời gian nghiên cứu trung bình là $8.61 \pm 2,62$ (tháng). Có 85,5% bộ công cụ sử dụng phương pháp phỏng vấn để thu thập dữ liệu. Tất cả nghiên cứu thu thập số liệu trực tiếp. Có 66,4% nghiên cứu mô tả thời gian thu thập dữ liệu; Thời gian thu thập dữ liệu trung bình $3,63 \pm 1,34$ tháng.

Loại công cụ được sử dụng trong các luận văn: Trong số 152 luận văn, có 159 bộ công cụ đã được sử dụng. Trong 159 bộ công cụ này, có 54,1% luận văn sử dụng bộ công cụ do tác giả tự phát triển, 13,2% sử dụng bộ công cụ dịch và kiểm định từ BCC nước ngoài và 32,7% sử dụng bộ công cụ tiếng Việt có sẵn.

Quy trình phát triển và đánh giá bộ công cụ

Bảng 1. Điểm trung bình tuân thủ quy trình phát triển và đánh giá bộ công cụ (n = 86)

STT	Quy trình phát triển và đánh giá BCC	Thang điểm	Mean ± SD
1	Phát triển từng câu hỏi	20	0,91 ± 0,09
2	Phát triển bộ công cụ	22	0,82 ± 0,07
3	Đánh giá bộ công cụ	28	0,78 ± 0,34
Điểm trung bình chung		70	0,85 ± 0,15

Điểm trung bình chung thực hiện quy trình phát triển và đánh giá bộ công cụ là $0,85 \pm 0,15$. Trong đó, điểm trung bình giai đoạn phát triển từng câu hỏi là $0,91 \pm 0,09$ điểm; Giai đoạn phát triển bộ công cụ có điểm trung bình là $0,82 \pm 0,07$; Giai đoạn đánh giá bộ công cụ là $0,78 \pm 0,34$.

Quy trình dịch và kiểm định bộ công cụ

Bảng 2. Điểm trung bình tuân thủ quy trình dịch và kiểm định bộ công cụ (n = 21)

STT	Quy trình dịch và kiểm định BCC	Thang điểm	Mean ± SD
1	Quy trình dịch	22	0,98 ± 0,55
2	Quy trình kiểm định	18	1,54 ± 0,51
Điểm trung bình chung		40	1,52 ± 0,49

Điểm trung bình cho quy trình dịch và kiểm định bộ công cụ từ tiếng nước ngoài là $1,52 \pm 0,49$ điểm. Trong đó, giai đoạn dịch BCC từ tiếng Anh sang tiếng Việt là có điểm trung bình $0,98 \pm 0,55$ điểm và giai đoạn kiểm định công cụ là $1,54 \pm 0,51$ điểm.

Quy trình kiểm định bộ công cụ có sẵn tiếng Việt

Bảng 3. Điểm trung bình tuân thủ kiểm định bộ công cụ có sẵn tiếng Việt (n = 52)

STT	Quy trình kiểm định BCC tiếng Việt	Thang điểm	Mean ± SD
1	Quy trình kiểm định	6	1,84 ± 0,48

Điểm trung bình chung quy trình kiểm định bộ công cụ có sẵn tiếng Việt $1,84 \pm 0,48$ điểm.

Bảng 4. Các yếu tố liên quan đến quy trình phát triển và đánh giá BCC (n = 86)

Biến số	Đặc tính	Mean	t -test	p
Tổng quan tài liệu về bộ công cụ	Không có tổng quan	42,72	0,78	0,04
	Có, không đầy đủ	41,75		
	Có, Đầy đủ	49,6		
Sử dụng học thuyết hướng dẫn	Không sử dụng	43,47	0,59	0,99
	Sử dụng phù hợp	43,55		
Thời gian nghiên cứu		r = 0,04		0,02

Tổng quan tài liệu và thời gian nghiên cứu có liên quan có ý nghĩa thống kê với quy trình phát triển và đánh giá bộ công cụ với $p < 0,05$.

Bảng 5. Yếu tố liên quan đến quy trình dịch và kiểm định BCC (n = 21)

Biến số	Đặc tính	Mean Rank	Chi-square	p
Tổng quan tài liệu về bộ công cụ	Không tổng quan	10,05	0,59	0,44
	Có, Đầy đủ	12,05		
Sử dụng học thuyết hướng dẫn	Không sử dụng	8,0	2,64	0,1
	Phù hợp	12,5		
Thời gian nghiên cứu		$r = 0,38$		0,09

Tổng quan tài liệu, sử dụng học thuyết và thời gian nghiên cứu có liên quan không có ý nghĩa thống kê với quy trình dịch và kiểm định BCC.

Bảng 6. Yếu tố liên quan đến quy trình sử dụng BCC có sẵn (n = 52)

Biến số	Đặc tính	Mean	t-test	p
Tổng quan tài liệu về bộ công cụ	Không tổng quan	25,55	0,27	0,03
	Có, Đầy đủ	37,6		
Sử dụng học thuyết hướng dẫn	Không sử dụng	23,8	5,27	0,01
	Không phù hợp	11,5		
	Phù hợp	32,28		
Thời gian nghiên cứu		$r = 0,38$		0,09

Các yếu tố có tổng quan tài liệu về công cụ, sử dụng học thuyết hướng dẫn liên quan có ý nghĩa thống kê với quy trình kiểm định bộ công cụ sẵn có ($p < 0,05$).

BÀN LUẬN

Thực trạng quy trình phát triển và đánh giá bộ công cụ và đề xuất: Với những nghiên cứu chưa có sẵn bộ công cụ, hoặc các bộ công cụ hiện có không đáp ứng được nội dung nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu thì việc phát triển và đánh giá bộ công cụ đóng vai trò rất quan trọng. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ cao (54,1%) các luận văn của học viên cao học tự phát triển công cụ nghiên cứu. Tuy nhiên, số liệu tại bảng 1 cho thấy điểm trung bình chung quy trình phát triển và kiểm định bộ công cụ mới của người học chỉ đạt mức là

0,85 ± 0,15 điểm/70 điểm. Trong đó, điểm trung bình giai đoạn phát triển câu hỏi đơn là 0,91 ± 0,09/20 điểm, giai đoạn phát triển bộ công cụ là 0,82 ± 0,07/22 điểm và giai đoạn đánh giá bộ công cụ là 0,78 ± 0,34/28 điểm. Kết quả này cho thấy mức độ tuân thủ quy trình phát triển công cụ của các đề tài khoa học trong luận văn tốt nghiệp trình độ thạc sĩ điều dưỡng chưa cao. Sở dĩ có kết quả thấp như vậy có thể là do quá trình phát triển thang đo đòi hỏi nhiều thời gian và nguồn lực, ngoài ra việc hạn chế về thời gian, nhân lực thực hiện cùng với nguồn tài chính và kinh nghiệm chưa nhiều vì vậy mà học viên cao học chưa đáp ứng hoặc đáp

ứng chưa đầy đủ các bước trong qui trình phát triển bộ công cụ đo lường đúng chuẩn. Kết quả nghiên cứu tương đồng với nghiên cứu trước đây cho rằng người nghiên cứu có mức độ tuân thủ không cao đối với quy trình phát triển và kiểm định bộ công cụ mới được phát triển^{7,8,9}.

Việc phát triển các công cụ mới cho khoa học là điều cần thiết và khi được thực hiện đúng cách sẽ cho phép diễn giải dữ liệu tính giá trị và độ tin cậy bởi độ tin cậy và tính giá trị được xem như những thuộc tính tâm lý cơ bản và cần thiết nhất cho phép giải thích chính xác dữ liệu^{2,10}. Kết quả nghiên cứu trước đây cũng tuyên bố rằng các khía cạnh công cụ đo lường của các nghiên cứu nên mô tả rõ ràng và tách biệt trong phần phương pháp để các nhà nghiên cứu có thể dễ dàng trong việc áp dụng các công cụ đo lường của nhau^{11,12,13}. Các cơ sở đào tạo, các trường đại học, viện nghiên cứu, giảng viên hướng dẫn cần đưa ra khung hướng dẫn, đánh giá để học viên có thể thực hiện đánh giá đúng, đủ độ tin cậy và tính giá trị của bộ công cụ trong nghiên cứu.

Thực trạng quy trình dịch và kiểm định bộ công cụ có sẵn bằng tiếng nước ngoài: Dạng thức thứ 2 của bộ công cụ trong nghiên cứu là sử dụng một bộ công cụ đo lường sẵn có bằng tiếng nước ngoài. Việc đảm bảo thích ứng về văn hóa của các công cụ nghiên cứu là yếu tố quan trọng để có thể đo lường chính xác biến số nghiên cứu. Nếu được tiến hành đúng cách, nó sẽ đảm bảo rằng các công cụ nghiên cứu thu được là chính xác, dễ hiểu, dễ tiếp cận và phù hợp về mặt văn hóa với đối tượng nghiên cứu. Trong nghiên cứu của chúng tôi việc sử dụng bộ công cụ đo lường có sẵn bằng tiếng nước ngoài chiếm 13,8%.

Giai đoạn thứ nhất của quy trình này là dịch bộ công cụ. Theo Boateng và cộng sự

năm 2018, quy trình dịch nên bao gồm một quy trình toàn diện không chỉ liên quan đến việc dịch một công cụ mà còn đánh giá kỹ lưỡng khả năng thích ứng và xác nhận đa văn hóa của nó⁵. Kết quả nghiên cứu tại bảng 2 cho thấy điểm trung bình chung của quy trình dịch và kiểm định chỉ đạt $1,52 \pm 0,49$ điểm/40 điểm; trong đó điểm số bước dịch bộ công cụ chỉ đạt $0,98 \pm 0,55/22$ điểm và điểm trung bình quy trình kiểm định chỉ đạt $1,54 \pm 0,51/18$ điểm. Đây là một khó khăn đối với học viên cao học với tuổi đời trẻ, quan hệ xã hội còn hạn chế, có ít kinh nghiệm trong nghiên cứu, khó khăn trong tìm người dịch đạt tiêu chuẩn, thêm vào đó là áp lực về thời gian và kinh phí nên việc thực hiện đúng và đầy đủ các bước trong quy trình dịch từ bộ công cụ từ nước ngoài còn có nhiều hạn chế. Đồng quan điểm này tác giả Sousa (2010) trong một bài tổng quan về quy trình dịch bộ công cụ cũng nhận định rằng bất chấp các khuyến nghị và hướng dẫn hiện có để sử dụng quy trình nhiều bước toàn diện để dịch, điều chỉnh và xác thực chéo các công cụ, các nhà nghiên cứu vẫn chưa thực hiện điều này⁶.

Giai đoạn kiểm định bộ công cụ, phần lớn các nghiên cứu có sử dụng công cụ đã được điều chỉnh về nội dung và số lượng câu hỏi so với bộ câu hỏi gốc nhưng tác giả không cung cấp bằng chứng về tính giá trị của bộ công cụ mới được điều chỉnh này. Một số học viên thì còn hạn chế trong cách trình bày nội dung này trong luận văn làm người đọc khó hiểu hoặc hiểu. Kết quả này cho thấy một số học viên cao học còn hạn chế trong quy trình kiểm định bộ công cụ bằng tiếng nước ngoài đúng chuẩn. Kết quả nghiên cứu này khá tương đồng với tác giả Wantana Maneesriwongul 2004 tỷ lệ thấp các nghiên cứu tuân thủ quy trình dịch và kiểm định bộ công cụ¹⁴. Với kết quả và ý nghĩa trên, các học viên cao học khi sử dụng

một công cụ có liên quan nhưng cần sửa đổi, các tác giả nên báo cáo chính xác việc hiệu chỉnh và tác động đối với các thuộc tính tâm lý của công cụ.

Thực trạng quy trình và kiểm định bộ công cụ có sẵn bằng tiếng Việt: Bất cứ nghiên cứu nào khi sử dụng bộ công cụ sẵn có bằng tiếng Việt cũng cần đánh giá lại độ tin cậy của bộ công cụ trên đối tượng nghiên cứu của mình nhằm đảm bảo tính phù hợp về dân tộc, địa phương. Ngoài ra, trong luận văn người học cũng phải mô tả đầy đủ, chính xác kèm minh chứng chỉ số đánh giá độ tin cậy để đảm bảo tính khoa học và chặt chẽ của luận văn. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có 32,7% đề tài nghiên cứu có sử dụng bộ công cụ có sẵn bằng tiếng Việt. Đây là điểm thuận lợi của các học viên vì nó giúp tiết kiệm thời gian, nguồn lực để phát triển hoặc dịch thuật và đánh giá chúng. Kết quả tại bảng 3 cho thấy quy trình kiểm định bộ công cụ sẵn có bằng tiếng Việt đạt $1,84 \pm 0,48$ điểm/6 điểm. Nguyên nhân của kết quả trên là do học viên chưa nhận thức được ý nghĩa của việc cung cấp độ tin cậy và tính giá trị trong các nghiên cứu trước đây nên không trình bày hoặc trình bày chưa đầy đủ. Hoặc cũng có thể học viên tham khảo bộ công cụ từ một đề tài trước đây nhưng tác giả đó không cung cấp đầy đủ tính giá trị và độ tin cậy trong đề tài. Học viên cao học cần tuân thủ quy trình nghiên cứu nhằm đảm bảo tính chặt chẽ, logic, khoa học và tính tin cậy trong luận văn của mình.

Yếu tố liên quan đến thực trạng sử dụng bộ công cụ nghiên cứu: Mặc dù các công cụ trong các nghiên cứu can thiệp được sử dụng này có thể được giả định là hoàn toàn đáng tin cậy. Không tiến hành đánh giá tính giá trị và độ tin cậy của bộ công cụ sẽ gây nghi ngờ về mức độ kết quả đo được có phản ánh đúng thực tế hay không. Kết

quả nghiên cứu của chúng tôi tại bảng 4, 5, 6 cho thấy tổng quan tài liệu và thời gian nghiên cứu có liên quan có ý nghĩa thống kê với quy trình phát triển và đánh giá bộ công cụ với $p < 0,05$. Tổng quan tài liệu, sử dụng học thuyết và thời gian nghiên cứu có liên quan không có ý nghĩa thống kê với quy trình dịch và kiểm định BCC. Các yếu tố có tổng quan tài liệu về công cụ, sử dụng học thuyết hướng dẫn liên quan có ý nghĩa thống kê với quy trình kiểm định bộ công cụ sẵn có ($p < 0,05$). Kết quả nghiên cứu này cho thấy việc thực hiện tổng quan tài liệu tốt sẽ giúp định hướng tốt cho người học về quy trình phát triển và đánh giá BCC cũng như kiểm định bộ công cụ có sẵn. Học thuyết giúp nghiên cứu viên định hướng về ý tưởng nghiên cứu cũng như xác định phương pháp nghiên cứu phù hợp, trong đó có việc kiểm định và sử dụng các bộ công cụ phù hợp. Học viên nên thực hiện việc tổng quan tài liệu đầy đủ và sử dụng các học thuyết phù hợp để định hướng cho nghiên cứu của mình.

Hạn chế của nghiên cứu:

Nghiên cứu này là nghiên cứu hồi cứu trên các luận văn được lưu trữ tại thư viện trường Đại học điều dưỡng Nam Định. Do đó, nghiên cứu có thể bỏ sót một số dữ liệu quan trọng và thiếu khả năng đưa ra các khuyến nghị rõ ràng. Thứ hai, mẫu nghiên cứu mới chỉ được thực hiện tại một trường đại học nên có thể chưa tổng quát được đặc điểm đối tượng nghiên cứu cho Việt Nam. Mặc dù vậy, kết quả từ nghiên cứu này có thể làm tăng thêm bằng chứng về sự tuân thủ quy trình xây dựng, kiểm định bộ công cụ nghiên cứu của các học viên sau đại học cũng như nhu cầu cần được đào tạo một cách bài bản về quy trình phát triển và kiểm định bộ công cụ nghiên cứu.

KẾT LUẬN

Tất cả các bộ công cụ được sử dụng trong luận văn thạc sĩ điều dưỡng tại đều có cấu trúc và nội dung phù hợp cho phép thu được đầy đủ giá trị các biến số và đáp ứng mục tiêu nghiên cứu thuộc luận văn.

Có ba loại công cụ được sử dụng bao gồm: Công cụ tự phát triển; Công cụ dịch và kiểm định công cụ từ nước ngoài và công cụ sử dụng công cụ sẵn có tiếng Việt với tần suất sử dụng lần lượt là 54,1%; 13,2%; và 32,7%. Trong số 52 luận văn sử dụng công cụ sẵn có tiếng Việt, điểm trung bình quy trình kiểm định là $1,84 \pm 0,48$ trên 6 điểm. Tuy nhiên, với hai nhóm công cụ là bộ công cụ tự phát triển và bộ công cụ được dịch và kiểm định từ bộ công cụ từ nước ngoài còn nhiều hạn chế với điểm trung bình tuân thủ lần lượt là $0,85 \pm 0,15$ trên tổng điểm 70 và $1,52 \pm 0,49$ trên tổng 40 điểm.

Tổng quan tài liệu và thời gian nghiên cứu có liên quan có ý nghĩa thống kê với quy trình phát triển và đánh giá bộ công cụ với $p < 0,05$. Tổng quan tài liệu, sử dụng học thuyết và thời gian nghiên cứu có liên quan không có ý nghĩa thống kê với quy trình dịch và kiểm định BCC. Các yếu tố có tổng quan tài liệu về công cụ, sử dụng học thuyết hướng dẫn liên quan có ý nghĩa thống kê với quy trình kiểm định bộ công cụ sẵn có ($p < 0,05$).

KHUYẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu gợi ý rằng việc sử dụng các công cụ sẵn có tiếng Việt có thể là lựa chọn hiệu quả để đảm bảo độ chính xác trong quy trình nghiên cứu. Tuy nhiên, nhóm công cụ tự phát triển và công cụ được dịch và kiểm định từ nước ngoài cần được cải thiện về mặt chất lượng và độ chuẩn xác để đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt của quy trình nghiên cứu. Các nghiên cứu trong

tương lai cần nỗ lực phát triển và kiểm định các bộ công cụ, để nâng cao tính toàn vẹn và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu. Việc cải thiện này có thể được đạt được thông qua áp dụng nghiêm túc và cẩn thận quy trình lựa chọn, phát triển, và kiểm định các công cụ nghiên cứu. Điều này sẽ giúp cải thiện chất lượng nghiên cứu trong lĩnh vực điều dưỡng và đảm bảo rằng các kết quả thu được có giá trị khoa học và thực tiễn lâm sàng một cách hiệu quả nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Laake, P., B. Olsen, and H. Benestad. Research methodology in the medical and biological sciences. 1st ed. 2007: Amsterdam: Elsevier, Academic Press.
2. Beaton, D.E., et al. Guidelines for the process of cross-cultural adaptation of self-report measures. Spine (Phila Pa 1976), 2000. 25(24): p. 3186-91. doi: 10.1097/00007632-200012150-00014.
3. Proctor, E.K., et al. Implementation research in mental health services: an emerging science with conceptual, methodological, and training challenges. Adm Policy Ment Health, 2009. 36(1): p. 24-34. doi: 10.1007/s10488-008-0197-4.
4. Wang, W.L., H.L. Lee, and S.J. Fetzer. Challenges and strategies of instrument translation. West J Nurs Res, 2006. 28(3): p. 310-21. doi: 10.1177/0193945905284712.
5. Boateng, G.O., et al. Best practices for developing and validating scales for health, social, and behavioral research: a primer. Frontiers in public health, 2018. 6: p. 149. <https://doi.org/10.3389/fpubh.2018.00149>
6. Sousa, V.D. and W. Rojjanasrirat. Translation, adaptation and validation of instruments or scales for use in cross-cultural health care research: a clear and user-

friendly guideline. *Journal of evaluation in clinical practice*, 2011. 17(2): p. 268-274. doi: 10.1111/j.1365-2753.2010.01434.x.

7. Chaudoir, S.R., A.G. Dugan, and C.H. Barr. Measuring factors affecting implementation of health innovations: a systematic review of structural, organizational, provider, patient, and innovation level measures. *Implementation science*, 2013. 8: p. 1-20. doi: 10.1186/1748-5908-8-22.

8. Proctor, E., et al. Outcomes for implementation research: conceptual distinctions, measurement challenges, and research agenda. *Administration and policy in mental health and mental health services research*, 2011. 38: p. 65-76. doi: 10.1007/s10488-010-0319-7.

9. Schuman, H. The random probe: A technique for evaluating the validity of closed questions. *American sociological review*, 1966: p. 218-222.

10. Cook, D.A. and T.J. Beckman. Current concepts in validity and reliability for psychometric instruments: theory and

application. *Am J Med*, 2006. 119(2): p. 166. e7-16. doi: 10.1016/j.amjmed.2005.10.036.

11. Clark, L. A., & Watson, D. Constructing validity: New developments in creating objective measuring instruments. *Psychological Assessment*, 2019 Dec;31(12):1412-1427. doi: 10.1037/pas0000626.

12. Kidwell, M. C., Lazarević, L. B., Baranski, E., Hardwicke, T. E., Piechowski, S., Falkenberg, L. S., ... & Nosek, B. A. Badges to acknowledge open practices: A simple, low-cost, effective method for increasing transparency. *PLoS Biology*, 2016, 14(5), e1002456. <https://doi.org/10.1371/journal.pbio.1002456>

13. Nosek, B. A., Alter, G., Banks, G. C., Borsboom, D., Bowman, S. D., Breckler, S. J., ... & Contestabile, M. Promoting an open research culture. *Science*, 2015, 348(6242), 1422–1425. doi: 10.1126/science.aab2374

14. Maneesriwongul, W. and J.K. Dixon. Instrument translation process: a methods review. *Journal of advanced nursing*, 2004. 48(2): p. 175-186. doi: 10.1111/j.1365-2648.2004.03185.x.